

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI - CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **22** /2013/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày **23** tháng **8** năm **2013**

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	
CÔNG VĂN ĐẾN	
Số: 524	
Ngày 23 tháng 8 năm 20 13 .	

THÔNG TƯ

Quy định về bảo trì công trình hàng không dân dụng

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 83/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

Căn cứ Nghị định số 114/2010/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý đầu tư xây dựng công trình và Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 về sửa đổi một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông và Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy định về bảo trì công trình hàng không dân dụng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về bảo trì công trình hàng không phục vụ cho hoạt động hàng không dân dụng (sau đây gọi tắt là công trình hàng không) trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có liên quan tới quản lý, bảo trì công trình hàng không thuộc mọi hình thức sở hữu trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Công trình hàng không là các công trình phục vụ cho hoạt động hàng không theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng, bao gồm:

- a) Công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay;
- b) Công trình cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay;
- c) Công trình cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay.

2. Bảo trì công trình là tập hợp các công việc nhằm bảo đảm và duy trì công trình ở trạng thái khai thác bình thường, an toàn theo quy định của thiết kế trong suốt quá trình khai thác sử dụng.

Nội dung của bảo trì công trình có thể bao gồm một, một số hoặc toàn bộ các công việc sau: kiểm tra, kiểm định chất lượng, quan trắc, bảo dưỡng và sửa chữa công trình.

3. Quy trình bảo trì công trình hàng không là quy định về thời gian, trình tự, thủ tục và chỉ dẫn thực hiện các công việc bảo trì công trình.

4. Kiểm tra công trình là công việc kiểm tra thường xuyên nhằm xác định, kịp thời phát hiện những sự cố, hỏng hóc ảnh hưởng đến trạng thái khai thác bình thường, an toàn của công trình.

5. Kiểm định chất lượng công trình là công việc kiểm tra, đánh giá nhằm xác định trạng thái, chất lượng công trình theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng đối với thiết kế công trình.

6. Quan trắc công trình hàng không là sự quan sát, đo đạc các thông số kỹ thuật của công trình theo yêu cầu của thiết kế công trình trong quá trình khai thác, sử dụng công trình.

7. Bảo dưỡng công trình hàng không là các hoạt động theo dõi, chăm sóc, sửa chữa những hư hỏng nhỏ, duy tu thiết bị lắp đặt vào công trình; được tiến hành thường xuyên, định kỳ để duy trì công trình ở trạng thái khai thác bình thường, an toàn và hạn chế phát sinh các hư hỏng công trình.

8. Sửa chữa công trình hàng không là việc khắc phục những hư hỏng của bộ phận hoặc nhiều bộ phận kết cấu công trình, thiết bị công trình có ảnh hưởng đến an toàn khai thác công trình nhằm đưa công trình về trạng thái khai thác bình thường, an toàn của công trình; bao gồm sửa chữa định kỳ và sửa chữa đột xuất.

a) Sửa chữa định kỳ là việc sửa chữa được thực hiện định kỳ theo quy định của quy trình bảo trì hoặc khi công trình hàng không có biểu hiện xuống cấp về chất lượng, không đảm bảo an toàn cho việc khai thác, sử dụng công trình.

b) Sửa chữa đột xuất được thực hiện ngay sau khi phát hiện sự cố, hỏng hóc nhằm bảo đảm an toàn khai thác công trình hàng không.

9. Tuổi thọ thiết kế công trình hàng không là thời gian khai thác, sử dụng của công trình do người thiết kế tính toán trong quá trình thiết kế công trình.

10. Công trình hàng không hết tuổi thọ thiết kế là công trình đã có thời gian khai thác, sử dụng lớn hơn tuổi thọ thiết kế của công trình được xác định theo quy định của hồ sơ thiết kế.

11. Công trình, bộ phận công trình có biểu hiện xuống cấp về chất lượng là công trình đã xuất hiện các hư hỏng hoặc không duy trì đủ điều kiện khai thác theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan.

12. Công trình, bộ phận công trình không đảm bảo an toàn cho việc khai thác, sử dụng là công trình, bộ phận công trình nguy hiểm, có nguy cơ sập đổ hoặc nứt, võng, lún, nghiêng đến giá trị giới hạn hoặc việc khai thác uy hiếp an toàn hàng không theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan.

Điều 4. Yêu cầu về bảo trì công trình hàng không

1. Mọi công trình hàng không khi đưa vào khai thác, sử dụng phải được tổ chức quản lý bảo trì.

2. Bảo trì công trình hàng không phải được thực hiện theo nội dung, quy trình bảo trì, các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Việc bảo trì công trình hàng không phải được thực hiện theo kế hoạch được lập, thẩm định, phê duyệt theo quy định của Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 5. Tài liệu phục vụ bảo trì công trình hàng không

1. Các tài liệu phục vụ bảo trì công trình hàng không bao gồm:

- a) Hồ sơ hoàn công công trình hàng không;
- b) Tài liệu khai thác công trình hàng không;
- c) Sổ theo dõi quá trình vận hành, khai thác công trình hàng không; lý lịch thiết bị lắp đặt trong công trình hàng không;
- d) Quy trình bảo trì công trình hàng không;
- đ) Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo trì công trình hàng không; định mức kinh tế - kỹ thuật bảo trì công trình hàng không;
- e) Hồ sơ, tài liệu kiểm tra, kiểm định chất lượng, quan trắc, bảo dưỡng, sửa chữa công trình hàng không;
- g) Các hồ sơ, tài liệu cần thiết khác phục vụ cho bảo trì công trình hàng không.

2. Hồ sơ, tài liệu phục vụ công tác bảo trì công trình hàng không phải được lưu giữ và bổ sung kịp thời những thay đổi của công trình.

Điều 6. Nội dung bảo trì công trình hàng không

1. Nội dung bảo trì công trình hàng không bao gồm các công việc sau đây:

a) Kiểm tra công trình hàng không: theo quy định trong tài liệu khai thác công trình;

b) Quan trắc công trình hàng không: theo hồ sơ thiết kế công trình;

c) Bảo dưỡng công trình hàng không: bảo dưỡng công trình thường xuyên, định kỳ theo quy định trong tài liệu khai thác công trình;

d) Kiểm định chất lượng công trình hàng không: khi phát hiện chất lượng công trình có sự cố hư hỏng và xuống cấp về chất lượng hoặc cần đánh giá chất lượng hiện trạng công trình;

đ) Sửa chữa công trình hàng không: sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất.

2. Việc bảo trì công trình hàng không quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy trình bảo trì được phê duyệt theo quy định.

Điều 7. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong công tác bảo trì công trình hàng không

1. Trách nhiệm bảo trì công trình hàng không có một chủ sở hữu:

a) Đối với công trình hàng không thuộc sở hữu nhà nước: tổ chức, cá nhân được Nhà nước giao hoặc cho thuê quản lý, khai thác, sử dụng công trình hàng không có trách nhiệm bảo trì công trình;

b) Đối với công trình hàng không đầu tư theo hình thức BOT (Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao), BTO (Xây dựng - Chuyển giao - Kinh doanh): doanh nghiệp thực hiện dự án (nhà đầu tư) chịu trách nhiệm bảo trì công trình trong thời gian khai thác của hợp đồng BOT, BTO; hết thời gian khai thác, tổ chức, cá nhân được giao tiếp nhận quản lý, khai thác, sử dụng công trình hàng không từ nhà đầu tư có trách nhiệm tiếp tục bảo trì công trình;

c) Đối với công trình hàng không thuộc sở hữu khác, chủ sở hữu công trình có trách nhiệm bảo trì công trình hoặc tổ chức, cá nhân được chủ sở hữu cho thuê quản lý, khai thác, sử dụng công trình hàng không có trách nhiệm bảo trì công trình.

2. Trách nhiệm bảo trì công trình hàng không có nhiều chủ sở hữu:

Chủ sở hữu phân riêng của công trình có trách nhiệm bảo trì phần sở hữu riêng của mình và đồng thời phải có trách nhiệm bảo trì phần sở hữu chung của công trình hoặc tổ chức, cá nhân được chủ sở hữu cho thuê quản lý, khai thác, sử dụng công trình hàng không có trách nhiệm bảo trì công trình. Việc phân định trách nhiệm bảo trì phần sở hữu chung của công trình thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc do các chủ sở hữu công trình hoặc người được chủ sở hữu cho thuê quản lý, khai thác, sử dụng công trình thỏa thuận cụ thể bằng văn bản.

3. Chủ sở hữu khi cho tổ chức, cá nhân thuê hoặc ủy quyền quản lý, khai thác, sử dụng công trình hàng không phải có nội dung thỏa thuận về trách nhiệm bảo trì công trình hàng không trong hợp đồng thuê hoặc bằng văn bản.

4. Người có trách nhiệm bảo trì công trình hàng không quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này có trách nhiệm bảo đảm nguồn kinh phí thực hiện việc bảo trì công trình hàng không.

Điều 8. Quy trình bảo trì công trình hàng không

Người có trách nhiệm bảo trì công trình hàng không có trách nhiệm yêu cầu nhà thầu thiết kế xây dựng công trình, nhà thầu cung cấp thiết bị lắp đặt vào công trình hoặc thuê tổ chức tư vấn khác có đủ điều kiện năng lực hoạt động xây dựng theo quy định của pháp luật lập quy trình bảo trì công trình hàng không và tổ chức thẩm định và phê duyệt quy trình bảo trì công trình hàng không theo quy định tại các Điều 6, 7 và 8 của Nghị định số 114/2010/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về bảo trì công trình xây dựng và các quy định của pháp luật chuyên ngành hàng không có liên quan.

Điều 9. Kế hoạch bảo trì công trình hàng không

1. Nội dung kế hoạch bảo trì công trình hàng không bao gồm:

- a) Tên công trình, hạng mục công trình;
- b) Thời gian thực hiện;
- c) Phương thức thực hiện;
- d) Dự toán kinh phí thực hiện;
- đ) Nguồn vốn thực hiện.

2. Người có trách nhiệm bảo trì công trình hàng không có trách nhiệm lập, trình phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo trì công trình hàng không hàng năm; kiểm tra, kiểm định chất lượng công trình (nếu có), quan trắc công trình và thực hiện phương án sửa chữa đột xuất công trình theo quy định tại Thông tư này.

3. Người có trách nhiệm bảo trì công trình hàng không có trách nhiệm xây dựng kế hoạch bảo trì công trình hàng không hàng năm trình Cục Hàng không Việt Nam xem xét phê duyệt. Hồ sơ trình phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình hàng không hàng năm được gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về Cục Hàng không Việt Nam (01 bộ hồ sơ) trước ngày 15 tháng 11 hàng năm.

4. Hồ sơ trình phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình hàng không hàng năm bao gồm các tài liệu sau đây:

- a) Văn bản đề nghị phê duyệt kế hoạch bảo trì;
- b) Kế hoạch bảo trì công trình hàng không theo Mẫu số 01 Phụ lục 2 của Thông tư này.

Cục Hàng không Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định tại khoản này và cấp giấy biên nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả (nếu nhận hồ sơ trực tiếp). Trường hợp hồ sơ chưa phù hợp, chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ.

5. Trong thời gian 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 3 của Điều này, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định, phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình hàng không hàng năm; trường hợp không phê duyệt phải có văn bản nêu rõ lý do.

6. Việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch bảo trì công trình hàng không hàng năm do Cục Hàng không Việt Nam chịu trách nhiệm thẩm định, phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch.

7. Khi phê duyệt hoặc điều chỉnh kế hoạch bảo trì công trình hàng không theo quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều này, Cục Hàng không Việt Nam gửi Bộ Giao thông vận tải văn bản phê duyệt và kế hoạch bảo trì công trình hàng không để quản lý, kiểm tra, giám sát việc thực hiện bảo trì công trình hàng không theo quy định.

Điều 10. Yêu cầu đối với việc lập và phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình hàng không

1. Kế hoạch bảo trì công trình hàng không phải dựa trên việc tổng hợp và thẩm định các số liệu, báo cáo, đề xuất từ đơn vị cơ sở, phản ánh đúng các yêu cầu thực tế và hiện trạng công trình hàng không, phù hợp với quy trình bảo trì công trình theo nội dung công việc bảo dưỡng, sửa chữa công trình.

a) Đối với công tác bảo dưỡng công trình:

- Căn cứ vào thời gian đưa công trình hàng không vào khai thác, sử dụng và thực tế khai thác công trình, phải tăng cường công tác bảo dưỡng nhằm phòng ngừa và khắc phục kịp thời những hư hỏng nhỏ của các bộ phận kết cấu công trình, thiết bị để nâng cao chất lượng phục vụ khai thác, đề phòng xảy ra những hư hỏng, sự cố tiếp theo và đảm bảo tuổi thọ công trình.

- Dự toán kinh phí được xác định phù hợp với nội dung công việc cần bảo trì và đơn giá, dự toán theo quy định tại định mức, đơn giá hiện hành. Trường hợp định mức, đơn giá chưa có hoặc đã có nhưng chưa phù hợp, Cục Hàng không Việt Nam chỉ đạo đơn vị liên quan tổ chức lập định mức, đơn giá mới, trình Bộ Giao thông vận tải hoặc cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Đối với công tác sửa chữa công trình:

- Căn cứ vào thời hạn quy định và trên cơ sở kết quả đánh giá, kiểm định hiện trạng công trình hàng không (nếu có) về tình trạng xuống cấp của các bộ phận, kết cấu công trình và hư hỏng xuống cấp ở nhiều bộ phận công trình để lập và đề xuất các giải pháp sửa chữa hoặc thay thế mới nhằm khôi phục chất lượng ban đầu của công trình và đảm bảo sự làm việc bình thường, an toàn công trình.

- Trình tự thực hiện theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng công trình và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Nội dung kế hoạch bảo trì công trình hàng không lập theo Mẫu số 1 Phụ lục 2 của Thông tư này.

Điều 11. Yêu cầu và danh mục công trình, bộ phận công trình bắt buộc quan trắc

1. Đối với các công trình hàng không quy định tại Phụ lục 1 của Thông tư này, trong quá trình thiết kế, nhà thầu thiết kế xây dựng công trình phải quy định các hạng mục, vị trí công trình bắt buộc quan trắc, thời gian quan trắc và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt cùng thiết kế dự án.

Trường hợp hồ sơ thiết kế của công trình bắt buộc quan trắc bị mất hoặc không quy định về quan trắc thì người có trách nhiệm bảo trì công trình phải tổ chức thực hiện việc xác định các hạng mục, vị trí công trình bắt buộc quan trắc, thời gian quan trắc; trình Cục Hàng không Việt Nam xem xét, phê duyệt.

2. Các công trình, bộ phận công trình bắt buộc quan trắc khi có biểu hiện xuống cấp về chất lượng thì phải tổ chức thực hiện việc quan trắc trước thời hạn theo quy định.

3. Yêu cầu chung đối với công tác quan trắc công trình:

a) Phải thực hiện quan trắc theo phương án quan trắc do nhà thầu quan trắc lập và được người có trách nhiệm bảo trì công trình phê duyệt; phương án quan trắc phải quy định về phương pháp đo, các thiết bị đo, sơ đồ bố trí và cấu tạo các dấu mốc, phương án tổ chức thực hiện nhằm đảm bảo an toàn cho hoạt động khai thác, phương pháp xử lý số liệu đo và các nội dung cần thiết khác;

b) Các quy định về quan trắc bao gồm: các vị trí quan trắc; thông số quan trắc và giá trị giới hạn của các thông số này (ví dụ: biên dạng, nghiêng, lún, nứt, võng...); thời gian quan trắc; số lượng chu kỳ đo và các nội dung cần thiết khác;

c) Nhà thầu quan trắc phải lập và báo cáo người quản lý, khai thác công trình về kết quả quan trắc, trong đó các số liệu quan trắc phải được đánh giá so sánh với giá trị giới hạn do nhà thầu thiết kế xây dựng công trình quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng đối với công trình;

Trường hợp số liệu quan trắc đạt đến giá trị giới hạn quy định tại điểm b khoản này hoặc có dấu hiệu bất thường khác thì người có trách nhiệm bảo trì phải tổ chức đánh giá an toàn công trình, an toàn khai thác sử dụng và có biện pháp xử lý kịp thời;

d) Tổ chức, cá nhân thực hiện việc quan trắc phải có đủ điều kiện năng lực hoạt động xây dựng tương đương với điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện khảo sát xây dựng hoặc kiểm định chất lượng công trình xây dựng.

Điều 12. Xử lý công trình hàng không hết tuổi thọ thiết kế

1. Căn cứ vào hồ sơ thiết kế và kết quả nghiệm thu công trình, Cục Hàng không Việt Nam khi xem xét, cấp phép đưa công trình vào khai thác, sử dụng phải quy định thời gian khai thác, sử dụng công trình theo tuổi thọ thiết kế của công trình.

Trường hợp hồ sơ thiết kế của công trình bị mất hoặc không quy định tuổi thọ thì người có trách nhiệm bảo trì công trình phải tổ chức thực hiện việc xác định tuổi thọ thiết kế của công trình theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng đối với công trình hoặc căn cứ theo tuổi thọ đã được xác định của công trình tương tự cùng loại và cấp; trình Cục Hàng không Việt Nam xem xét, phê duyệt.

2. Trước khi công trình hàng không hết tuổi thọ thiết kế, người có trách nhiệm bảo trì công trình phải tổ chức kiểm tra, kiểm định, đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình. Hồ sơ đánh giá chất lượng công trình bao gồm:

a) Hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn và các cá nhân thực hiện việc kiểm tra, kiểm định, đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình;

b) Báo cáo của tổ chức kiểm định về kết quả kiểm tra, kiểm định và đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình; yêu cầu và phương án sửa chữa công trình kèm theo;

c) Quy trình bảo trì công trình hàng không đã được phê duyệt.

3. Chậm nhất là 90 ngày trước ngày hết tuổi thọ thiết kế của công trình hàng không, người có trách nhiệm bảo trì công trình có trách nhiệm trình Cục Hàng không Việt Nam xem xét, quyết định xử lý công trình như sau:

a) Tiếp tục sử dụng công trình hoặc sử dụng hạn chế một phần công trình;

b) Chuyển đổi công năng sử dụng, sửa chữa công trình;

c) Ngừng sử dụng hoàn toàn công trình.

4. Người có trách nhiệm bảo trì công trình gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính về Cục Hàng không Việt Nam đề nghị xử lý công trình hàng không hết tuổi thọ thiết kế, bao gồm các tài liệu sau đây:

a) Văn bản đề nghị theo Mẫu số 03 Phụ lục 2 của Thông tư này;

b) Kết quả đánh giá chất lượng công trình;

c) Phương án sửa chữa công trình trong trường hợp đề nghị phương án quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều này.

Cục Hàng không Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định tại khoản này và cấp giấy biên nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả (nếu nhận hồ sơ trực tiếp). Trường hợp hồ sơ chưa phù hợp, chậm nhất 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ.

5. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 4 Điều này, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định, phê duyệt phương án xử lý công trình hàng không và gửi văn bản phê duyệt cho người đề nghị đồng thời báo cáo Bộ Giao thông vận tải. Trường hợp không chấp thuận phương án xử lý phải trả lời cho người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trong trường hợp cần thiết, Cục Hàng không Việt Nam tổ chức phúc tra công tác kiểm định chất lượng công trình trước khi phê duyệt phương án xử lý.

Điều 13. Xử lý đối với công trình, bộ phận công trình hàng không không đảm bảo an toàn cho việc khai thác, sử dụng

1. Khi phát hiện công trình, bộ phận công trình hàng không có biểu hiện xuống cấp về chất lượng hoặc không đảm bảo an toàn cho việc khai thác, sử dụng, người có trách nhiệm bảo trì công trình có trách nhiệm:

a) Kiểm tra công trình hoặc kiểm định chất lượng công trình;

b) Quyết định thực hiện các biện pháp an toàn gồm hạn chế sử dụng công trình, di chuyển người và tài sản, tiến hành ngay việc sửa chữa đột xuất hoặc ngừng sử dụng, khai thác công trình;

c) Lập kế hoạch sửa chữa trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Điều 9 của Thông tư này và tổ chức thực hiện.

2. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm:

a) Tổ chức kiểm tra, đánh giá mức độ nguy hiểm, yêu cầu thực hiện việc sửa chữa, ngừng hoặc tạm ngừng khai thác công trình theo quy định; báo cáo Bộ Giao thông vận tải;

b) Quyết định việc áp dụng các biện pháp an toàn đối với các công trình hàng không và báo cáo Bộ Giao thông vận tải kết quả thực hiện;

c) Xử lý trách nhiệm của chủ sở hữu, người có trách nhiệm bảo trì công trình, tổ chức, cá nhân nhân có liên quan.

3. Các tổ chức, cá nhân khác có hoạt động hàng không dân dụng có quyền thông báo cho các cơ quan quản lý nhà nước, người có trách nhiệm bảo trì công trình biết khi phát hiện sự cố hay công trình, bộ phận công trình hàng không không đảm bảo an toàn cho việc khai thác, sử dụng để xử lý kịp thời.

Điều 14. Kiểm tra, báo cáo việc thực hiện bảo trì công trình hàng không

1. Cục Hàng không Việt Nam chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan tổ chức xây dựng, ban hành kế hoạch kiểm tra hàng năm, đột xuất về công tác bảo trì công trình hàng không; tổng hợp, báo cáo định kỳ, đột xuất về Bộ Giao thông vận tải (hàng quý trước ngày 22 cuối tháng mỗi quý; hàng năm trước ngày 25 tháng 12 hàng năm).

2. Nội dung kiểm tra việc thực hiện bảo trì công trình hàng không bao gồm:

a) Việc lập và phê duyệt quy trình bảo trì của công trình hàng không theo quy định;

b) Việc tuân thủ quy định bảo trì công trình của chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho thuê quản lý, khai thác, sử dụng công trình theo các chế độ kiểm tra theo quy định;

c) Việc báo cáo thực hiện bảo trì công trình của chủ sở hữu hoặc người được ủy quyền theo quy định;

d) Việc thực hiện các quy định tại các Điều 10, 11 và 12 của Thông tư này trong trường hợp công trình bắt buộc phải quan trắc, công trình hết tuổi thọ thiết kế; xử lý đối với công trình, bộ phận công trình hàng không không đảm bảo an toàn cho việc khai thác, sử dụng;

đ) Các nội dung khác liên quan đến thực hiện kế hoạch bảo trì công trình hàng không theo quy định của pháp luật hoặc được Bộ Giao thông vận tải giao.

3. Nội dung báo cáo kiểm tra việc thực hiện công tác bảo trì công trình hàng không quy định tại khoản 2 của Điều này phải nêu được đầy đủ tên công trình, hạng mục công trình thực hiện; khối lượng và kinh phí thực hiện; thời gian hoàn thành; những điều chỉnh, phát sinh so với kế hoạch được giao; đánh giá kết quả thực hiện (theo kế hoạch được phê duyệt); đề xuất và kiến nghị trong quá trình thực hiện công tác bảo trì công trình hàng không (Biểu mẫu báo cáo theo Mẫu số 02 Phụ lục 2 của Thông tư này).

Điều 15. Quản lý chất lượng công tác bảo trì công trình

Chủ sở hữu, người có trách nhiệm bảo trì công trình hàng không chịu trách nhiệm thực hiện việc quản lý chất lượng công việc bảo trì công trình theo quy định tại Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng, Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý đầu tư xây dựng công trình, Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, Nghị định số 114/2010/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về bảo trì công trình xây dựng và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 16. Quản lý thanh toán, quyết toán chi phí bảo trì công trình hàng không

1. Việc xác định chi phí thực hiện bảo trì công trình hàng không theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Việc quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí bảo trì công trình hàng không thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị định số 114/2010/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về bảo trì công trình xây dựng, Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm

2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 17. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2013.

2. Ban hành kèm theo Thông tư này 02 Phụ lục sử dụng trong quản lý bảo trì công trình hàng không.

Điều 18. Tổ chức thực hiện

1. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Giao thông vận tải để xem xét, giải quyết. *Tran*

Nơi nhận:

- Như Điều 18;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng TW Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Công báo, Công TTĐT Chính phủ,
- Trang TTĐT Bộ GTVT;
- Báo GTVT, Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, KCHT.

BỘ TRƯỞNG



Đinh La Thăng
Đinh La Thăng